TAND HUYỆN C.H. **TỈNH T.Q.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2018/HSST
Ngày 09/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C.H.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông *Hồ Hữu Việt*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông *Lý Văn Tòng*

2. Bà *Tưởng Thị Thu*

- Thư ký phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Huyền Trang,* Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.H..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.H. tham gia phiên tòa: Ông *Hoàng Minh Tú,* Kiểm sát viên VKSND huyện C.H..

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C.H., xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/HSST - QĐ ngày 23/02/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn T.,** sinh ngày 01/6/1974; Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn Tg., xã Ph.S, huyện C.H., tỉnh T.Q.; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; con ông Đặng Hữu Q., sinh năm 1924 (Đã chết) và bà Bàn Thị L., sinh năm 1935 (Đã chết); Vợ: Triệu Thị Nh., sinh năm 1982 (chưa đăng ký kết hôn, là người bị hại trong vụ án); Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Nhân thân, tiền án tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q. theo (có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.Q.. (có mặt)

** Người bị hại:* Triệu Thị Nh., sinh năm 1982; trú tại: Thôn Tg., xã Ph.S, huyện C.H., tỉnh T.Q.. (có mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Triệu Thị Kh., sinh năm 1977. (có mặt)

2. Triệu Văn L., sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn No.Cu., xã Ph.S, huyện C.H., tỉnh T.Q..

3. Sìn Thị Xe, sinh năm 1992. (có mặt)

4. Đặng Quý X., sinh năm 1987. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Tg., xã Ph.S, huyện C.H., tỉnh T.Q..

* Người làm chứng:

1. Đặng Quý L., sinh năm 1984. (vắng mặt)

2. Phùng Xuân H., sinh năm 2004 do chị Phùng Thị Đ (mẹ đẻ) là người đại diện hợp pháp. (Đều vắng mặt)

3. Đặng Thị S, sinh năm 1976. (có mặt)

4. Lý Văn Ch, sinh năm 1979. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Tg., xã Ph.S, huyện C.H., tỉnh T.Q..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 21/9/2017, Đặng Văn T. sinh năm 1974, trú tại thôn Tg., xã Ph.S, huyện C.H. nói với vợ Triệu Thị Nh., sinh năm 1982 sẽ bán lợn mua quần áo nhưng chị Nh. không cho bán nên giữa Đặng Văn T. và chị Nh. xảy ra cãi nhau, Đặng Văn T. vào bếp lấy một con dao gọt hoa quả, mũi dao vát nhọn kích thước dài 28cm, rộng trung bình 4,5cm đi ra vườn hái cam bóc vỏ cam ăn, sau đó T. để con dao vào trong túi quần đang mặc đi xuống nhà anh Đặng Quý L. người cùng thôn cách khoảng 300m chơi. Do thời gian trước đấy Đặng Văn T. bị chị Nh. đánh nhiều lần bị thương đã báo cáo thôn bản đến giải quyết, lần này sợ chị Nh. đuổi theo sau đánh nên trên đường vào nhà anh Long, Đặng Văn T. nhặt một hòn đá kích thước dài 10cm, chỗ rộng nhất 7cm cầm theo mục đích nếu chị Nh. đuổi theo đánh thì T. sẽ dùng hòn đá đánh lại. Khi đến nhà anh Long, T. thấy một mình anh Long đang nằm ngủ ở trong nhà nên T. để hòn đá ở bên trái cửa ra vào rồi vào nhà ngồi ở bàn uống nước, hút thuốc lào, Nh. dắt xe đạp đi theo, khi đến gần đường rẽ vào nhà anh Long, chị Nh. bỏ xe đạp ở đường rồi đi vào nhà anh Long. Thấy T., Nh. đi nhanh tiến về phía T., T. đứng dậy ra cửa, chị Nh. lao vào ôm T., T. tay trái đẩy chị Nh. ra ngoài sân, tay phải nhặt hòn đá ở bên cạnh cửa T. đã để trước đó, dơ lên đập một phát trúng vào đỉnh đầu chị Nh.. Bị T. đánh, Nh. loạng choạng chống tay xuống sân, sau đó đứng dậy lao vào dùng hai tay ôm chặt vào ngang lưng T. từ phía trước và vật lộn, xô đẩy với T., T. vùng vẫy rút tay phải ra khỏi tay Nh. và lấy dao trong túi quần ở tư thế bị ôm chặt để đâm, chọc về phía chị Nh. nhiều lần, do bị đau chị Nh. buông T. ra, thấy chị Nh. bị chảy máu ở đầu, ngực T. cầm dao về nhà. Nghe thấy tiếng chị Nh. kêu cứu, anh Long dậy ra xem thấy chị Nh. bị thương nên đã lấy áo băng bó vết thương cùng mọi người đưa chị Nh. đến Bệnh viện đa khoa C.H..

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 153/2017 ngày 06/11/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh T.Q. kết luật: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Triệu Thị Nh. là 49% (*Bốn chín phần trăm*) theo phương pháp cộng lùi.

Tại Công văn số 70/CV-TTPY ngày 16/11/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh T.Q. xác định:

1. Thương tích gây mù mắt phải: 41%;

2. Thương tích vùng ngực trái gây tràn dịch màng phổi hiện để lại di chứng cặn màng phổi: 06%;

3. Các sẹo vết thương phần mềm: 08%, trong đó:

+ Sẹo vùng đỉnh đầu: 03%;

+ Sẹo cánh tay trái: 03%;

+ Sẹo cẳng tay trái: 03%;

+ Sẹo cẳng chân phải: 01%;

+ Sẹo dẫn lưu ở khoang liên sường 9 - 10 đường nách bên trái: 01%.

Vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C.H. đã thu giữ 01 hòn đá thước dài 10cm, chỗ rộng nhất 7cm; 01 con dao loại dao gọt hoa quả; tạm giữ 01 áo phông ngắn tay không cổ màu đỏ có vết rách kích thước 4x0,3cm, áo cũ đã qua sử dụng của Triệu Thị Nh..

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn T. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới.

Người bị hại chị Triệu Thị Nh. không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Văn L., Sìn Thị X, Đặng Quý X. đều không có ý kiến gì khác và không yêu cầu bị cáo hoàn trả, riêng Triệu Thị Kh. có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả chi phí chạy chữa cho người bị hại Triệu Thị Nh. là 4.000.000đ, bị cáo Đặng Văn T. đồng ý hoàn trả.

Tại Cáo trạng 06/QĐ - KSĐT ngày 29/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện C.H. đã truy tố bị cáo Đặng Văn T. về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 điều 134 (Dùng hung khí nguy hiểm) Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.H. vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015); khoản 3 Điều 7; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 (bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn) Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Kh..

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm 01 hòn đá thước dài 10cm, chỗ rộng nhất 7cm; 01 con dao loại dao gọt hoa quả; 01 áo phông ngắn tay không cổ màu đỏ có vết rách kích thước 4x0,3cm, áo cũ đã qua sử dụng của Triệu Thị Nh..

- Ngoài ra đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn án phí cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến người bảo vệ quyền lợi cho bi cáo, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện C.H. xét thấy:

(1)Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

(2) Về áp dụng pháp luật: Tại Cáo trạng 06/QĐ - KSĐT ngày 29/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện C.H. đã truy tố bị cáo Đặng Văn T. về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134 (Dùng hung khí nguy hiểm) Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khi so sánh pháp luật, do Điều 134 BLHS năm 2015 có mức hình phạt nhẹ nhất và mức hình phạt cao nhất so với Điều 104 BLHS 1999 là bằng nhau, nhưng Điều 134 BLHS năm 2015 chia thêm nhiều hơn một khoản trong đó khoản 3 Điều 134 BLHS 2015 nhẹ hơn khoản 3 Điều 104 BLHS 1999, nên bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 134 BLHS 2015 là có lợi cho bị cáo và đúng quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS.

Quá trình điều tra bị cáo Đặng Văn T. đã khai nhận có thực hiện hành vi sử dụng hung khí gây thương tích, tuy không mô tả đủ sự tác động vào từng vị trí vết

thương nhưng phù hợp với kết quả giám định thương tích và không có căn cứ xác định nguyên nhân gây thương tích khác là đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm.

(3) Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo gây tổn thương cơ thể theo phương pháp cộng lùi đến 49% (cộng dồn 66%) do dùng hung khí nguy hiểm, nên đủ căn cứ để xét xử bị cáo ở khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, không có căn cứ xác định tình tiết định khung tăng nặng khác.

(4) Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đặng Văn T. khai báo thành khẩn nhận tội, đã tự bán nhà để chữa trị vết thương cho bị hại là Triệu Thị Nh., tích cực khắc phục hậu quả, tại phiên tòa đã tự nguyện thỏa thuận hoàn trả chi phí chạy chữa theo yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Kh.. Tuy nhân thân chưa có tiền án, tiền sự nhưng lần phạm tội này thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nên chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s và điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là dân tộc thiểu số có trình độ văn hóa thấp cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 cần áp dụng cho bị cáo.

Trong vụ án này, mức độ tổn hại cho bị hại mà bị cáo gây ra thuộc trường hợp định khung hình phạt nhẹ hơn, do sử dụng hung khí nguy hiểm nên bị xét xử theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nạn nhân đồng thời cũng là người thân thích của bị cáo và có phần gây kích động bị cáo khi phạm tội, nên cần xem xét áp dụng mức án tù giam khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo. Việc trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo có đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

(5) Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Kh. yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 4.000.000 đồng là tiền đã chi phí trong thời gian điều trị cho bị hại, tuy không có chứng từ nhưng bị cáo tự nguyện chấp nhận, nên ghi nhận sự thỏa thuận. Những người liên quan khác, và người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

(6) Vật chứng liên quan đến vụ án: 01 hòn đá thước dài 10cm, chỗ rộng nhất 7cm; 01 con dao loại dao gọt hoa quả; tạm giữ 01 áo phông ngắn tay không cổ màu đỏ có vết rách kích thước 4x0,3cm, áo cũ đã qua sử dụng của Triệu Thị Nh. là tang vật của vụ án, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 134) Bộ luật hình sự năm 2015 ; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo bị cáo Đặng Văn T. phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T. 05 (*năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (27/11/2017).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đặng Văn T. và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Thị Kh. như sau:

Bị cáo Đặng Văn T. có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Triệu Thị Kh. số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*).

Khoản tiền phải trả kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Kh. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 hòn đá thước dài 10cm, chỗ rộng nhất 7cm; 01 con dao loại dao gọt hoa quả; 01 áo phông ngắn tay không cổ màu đỏ có vết rách kích thước 4x0,3cm của Triệu Thị Nh.. *(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/01/2018 giữa cơ quan điều tra công an huyện C.H. và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.H.).*

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14

- Bị cáo **Đặng Văn T.** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án áp dụng điểm m khoản 2 Điều 61; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2017)./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDtỉnh, huyện ;
- Công an huyện;
- Thi hành án huyện;
- Sở tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnhTQ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Hữu Việt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lý Văn Tòng - Tưởng Thị Thu Hồ Hữu Việt